

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2019/HS-ST**
Ngày 22/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

2/ Ông **Dương Quốc Dũng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2019/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Danh Út C**; sinh năm 1992; Nơi cư trú: MA, ML, CT,KG; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông Danh S, sinh năm 1942 và bà Thị N, sinh năm 1945; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại Đ1 điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ **Danh Út M**; sinh năm 1988; Nơi cư trú: MA, ML, CT,KG; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông Danh S, sinh năm 1942 và bà Thị N, sinh năm 1945; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại Đ1 điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Danh Thanh N**, sinh năm 1995 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại: Chị **Danh Thị Cẩm Nh**, sinh năm 1997 (em ruột bị hại) (có mặt).

Cùng trú tại: Số 115 TĐ, P. AB, TP. GR, KG

Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: AP, BA, CT, KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh Út C là người không có giấy phép lái xe theo quy định và là em ruột của Danh Út M. Vào sáng ngày 28 tháng 7 năm 2019, do không có xe đi làm nên C đã mượn chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 68S3 – 4723 của M Đ1 đi làm thì M đồng ý. Đến Chiều cùng ngày C tiếp tục mượn xe của M Đ1 đi chơi, lúc này dù biết rõ C không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng M vẫn đồng ý giao xe cho C.

Sau đó C điều khiển xe đi đến nhà trọ của bạn C tên Ch ở ấp AB, BA, CT chơi. Tại đây C có uống khoảng 0,5lít rượu trắng. Đến khoảng 21 giờ 20 cùng ngày, C điều khiển mô tô biển số 68S3 – 4723 đi về nhà. Khi xe của C đang lưu thông theo hướng Tắc Cậu đi thị trấn Minh Lương, đến đoạn đường Km 02+500, quốc lộ 63 thuộc ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, C điều khiển xe chạy lấn sang phần đường bên trái và đụng vào xe mô tô biển số 68X1 – 066.93 do anh Danh Thanh N điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả làm anh Danh Thanh N bị thương nặng được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2019 thì tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 28 ngày 7 năm 2019 đã thể hiện:

Chọn hướng thị trấn Minh Lương đi Tắc Cậu làm hướng chuẩn Đ1 đo các dấu vết vào mép đường bên phải.

- Mặt đường trải nhựa rộng 7,20 mét, ở giữa có vạch sơn màu vàng đứt quãng chia đường thành 2 chiều, mặt đường mỗi rộng 3,60m, hai đầu không có biển báo hiệu giao thông.

- Xe mô tô biển số 68X1 – 066.93 ngã về bên phải, đầu xe quay về hướng Tắc Cậu, đuôi xe quay về hướng Minh Lương, tâm bánh trước đo vào lề phải là 1,49m, tâm bánh sau đo vào lề phải là 1,85m.

- Vết cày dài 0,17m, đầu vết cày đo vào lề phải là 1,83m, cuối vết cày đo vào lề phải là 1,87m và nằm vị trí cạnh sau ống xả của xe mô tô 68X1 – 066.93.

- Xe mô tô biển số 68S3 – 4723 ngã về bên phải, đầu xe chệch sang lề phải quay về hướng Minh Lương, tâm bánh trước đo vào lề phải là 1,96m, tâm bánh sau đo vào lề phải là 2,80m và cách sau xe 68X1 – 066.93 là 1,47m.

- Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn lập lúc 22 giờ 50 phút ngày 28 tháng 7 năm 2019, kiểm tra nồng độ cồn của Danh Út C thể hiện nồng độ cồn trong hơi thở của C là 1,132mg/lít khí thở.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y tử thi số: 480/KL-KTHS ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đối với anh Danh Thanh N kết luận:

1. Các kết quả chính: Vết thương vùng trán bờ mép nham nhở, lộ xương hộp sọ; Bầm tím hốc mắt hai bên; Bầm tụ máu tai bên trái đến cổ trái; Tụ máu dưới da đầu vùng trán - đỉnh - thái dương trái; Tụ máu cơ thái dương trái; Vỡ phức tạp hộp sọ vùng trán - thái dương trái; Tụ máu dưới màng cứng và dưới màng nhện vùng trán; Dập não vùng trán.

2. Nguyên nhân chết: Do chấn thương sọ não.

Trong vụ án này bị cáo Danh Út C và Danh Út M trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tích cực khắc phục một phần hậu quả cho bị hại.

Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ, hướng xử lý vật chứng gồm:

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 Xe mô tô Nn hiệu HONDA, màu sơn Đỏ - đen, số máy JA31E0048029, số khung 3118EY028888, biển số 68X1 – 066.93.

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 008848 do Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 09/5/2014 cho Lê Thị Đ1 đăng ký xe biển số 68X1 – 066.93.

+ 01 Giấy phép lái xe số 910147004936 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16/5/2014 cho anh Danh Thanh N.

Các vật chứng này đã tiến hành trả lại cho đại diện gia đình bị hại là chị Danh Thị Cẩm Nh.

- Đối với 01 Xe mô tô Nn hiệu HUANGHE, màu sơn đen, số máy FMG-3 10371108, số khung HH100 10371108, biển số 68S3 – 4723 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0128639 do Phòng C sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang

cấp ngày 17/10/2001 cho Trần Văn H đăng ký xe biển số 68S3 – 4723 sẽ đề nghị xử lý khi xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, đại diện gia đình bị hại là chị Danh Thị Cẩm Nh yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền các khoản chi phí điều trị, mai táng và tổn thất tinh thần là 52.500.000 đồng các bị cáo đồng ý bồi thường. Hiện Danh Út C đã bồi thường cho gia đình người bị hại 2.500.000 đồng, M đã bồi thường cho gia đình bị hại được 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT- VKS-CT ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh Út C về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Danh Út M về tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh Út C về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và truy tố bị cáo Danh Út M về tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh Út C** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 264; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh Út M** từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là các bị cáo sẽ liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại chị Danh Thị Cẩm Nh số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử trả lại cho Danh Út M 01 chiếc xe mô tô Nn hiệu HUANGHE, màu sơn đen, số máy FMG-3 10371108, số khung HH100 10371108, biển số 68S3 – 4723 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0128639 do Phòng C sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/10/2001 cho Trần

Văn H đăng ký xe biển số 68S3 – 4723 nhưng tiếp tục kê biên để đảm bảo Thi hành án.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Danh Út C là người không có giấy phép lái xe mô tô trên 100cc theo quy định. Vào chiều ngày 28/7/2019 C hỏi mượn chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 68S3 – 4723 của Danh Út M (anh ruột C) Đ1 đi chơi. M biết rõ C không có giấy phép lấy xe nhưng vẫn đồng ý giao xe cho C mượn. Sau khi mượn được xe C điều khiển xe đến nhà bạn C uống rượu. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, C điều khiển xe đi về nhà trên đường đi đến ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, C điều khiển xe chạy lấn sang phần đường bên trái dẫn đến đụng vào xe mô tô biển số kiểm soát 68X1 – 066.93 do anh Danh Thanh N đang điều khiển xe lưu thông theo hướng ngược chiều lại với xe của C. Tai nạn xảy ra làm anh N bị thương nặng được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang, đến ngày 29/7/2019 anh N tử vong. Đối chiếu tại khoản 1 Điều 9 luật Giao thông đường bộ thì “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định ...”, đồng thời căn cứ vào

điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) *Không có giấy phép lái xe theo quy định*; b) *Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định..*”. Như vậy, khi tham gia giao thông bị cáo C lại không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định và điều khiển xe trong tình trạng sử dụng rượu bia vượt quá mức mà pháp luật cho phép dẫn đến gây ra tai nạn làm 01 người chết đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” như đã viện dẫn nêu trên.

Ngoài ra đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự thì “Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe ... theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm: a) *Làm chết người*;... Như vậy, việc bị cáo M biết rõ C không có giấy phép lái xe mô tô trên 100cc theo quy định pháp luật nhưng bị cáo vẫn đồng ý cho C mượn xe đi chơi dẫn đến gây ra tai nạn giao thông làm cho 01 người chết đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” như đã viện dẫn nêu trên.

2.1 Hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo nhận thức được khi tham gia phương tiện giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe theo quy định và phải tuân thủ luật giao thông đường bộ, nếu xảy ra tai nạn dù là lỗi vô ý nhưng gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thế nhưng khi điều khiển xe bị cáo lại không có giấy phép lái xe theo quy định và lại điều khiển xe trong tình trạng có sử dụng rượu bia vượt mức mà pháp luật cho phép (1,132mg/lít khí thở) dẫn đến không làm chủ được tay lái chạy xe lấn sang phần đường bên trái đụng vào xe mô tô mang biển số 68X1 – 066.93 do anh N đang điều khiển xe chạy ngược chiều lại. Chính sự chủ quan, thiếu ý thức khi tham gia giao thông của bị cáo đã gây ra cái chết cho anh N đây là một tổn thất lớn về mặt tinh thần mà gia đình người bị hại phải gánh chịu và đây còn là nguyên nhân làm cho tình hình vi phạm tai nạn giao thông đường bộ trên địa bàn Châu Thành nói chung và địa bàn nơi xảy ra vụ án nói riêng ngày càng gia tăng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân khi tham gia phương tiện giao thông đường bộ. Với tính chất cũng như

hậu quả mà bị cáo đã gây ra, HĐXX nghị án thỏa luận cần có một mức án tương xứng Đ1 răn đe, giáo dục bị cáo.

2.2 Còn đối với bị cáo M là người có đủ năng lực và nhận thức rõ bị cáo C (em ruột bị cáo) chưa có giấy phép lái xe mô tô trên 100cc nên nếu tham gia giao thông đường bộ sẽ không đảm bảo an toàn cho chính bản thân người điều khiển xe cũng như người tham gia giao thông khác. Mặc dù hiểu được điều đó, thế nhưng tin rằng hậu quả sẽ không xảy ra nên khi được C ngụ ý hỏi mượn xe của bị cáo Đ1 đi chơi bị cáo liền đồng ý và giao xe cho C điều khiển dẫn đến C gây ra tai nạn giao thông làm cho 01 người bị tử vong. Từ hành vi sai phạm của bị cáo đã vô ý gián tiếp gây ra cái chết cho anh N, gây đau thương mất mát cho gia đình người bị hại. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức tương xứng Đ1 răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa các trường hợp tương tự khác xảy ra.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ:

3.1 Đối với bị cáo C: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật cho bị cáo khi lượng hình cũng là phù hợp.

3.1 Đối với bị cáo M: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự Đ1 xem xét hình phạt tương ứng cho bị cáo khi lượng hình cũng là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật Đ1 xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại chị Danh Thị Cẩm Nh yêu cầu hai bị cáo liên đới bồi thường cho

gia đình chi chi phí điều trị, mai táng và tổn thất tinh thần với số tiền là 52.500.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường trước được 42.500.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chi Nh yêu cầu hai bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường cho gia đình chi, bị cáo C và bị cáo M đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chi Nh nên HĐXX ghi nhận Đ1 xem xét.

[6] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Nn hiệu HUANGHE, màu sơn đen, số máy FMG-3 10371108, số khung HH100 10371108, biển số 68S3 – 4723 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0128639 do Phòng C sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/10/2001 cho Trần Văn H đăng ký xe biển số 68S3 – 4723 cần xử trả lại cho bị cáo M nhưng xét thấy cần tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án mới là phù hợp.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Út C phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1/ Xử phạt bị cáo **Danh Út C 01** (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Út M phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

2/ Xử phạt bị cáo **Danh Út M 10.000.000** (M triệu) đồng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo C và bị cáo M phải tiếp tục liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại chi Danh Thị Cẩm Nh số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử trả lại cho Danh Út M 01 chiếc xe mô tô Nn hiệu HUANGHE, màu sơn đen, số máy FMG-3 10371108, số khung HH100 10371108, biển số 68S3 – 4723

và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0128639 do Phòng C sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/10/2001 cho Trần Văn H đăng ký xe biển số 68S3 – 4723 nhưng tiếp tục kê biên để đảm bảo Thi hành án.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Danh Út C và Danh Út M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $(10.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 250.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các bị cáo và NĐDHPCGĐNBH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong